

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Ngày 31/03/2025	16,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.6%	10.6%	15.0%

DT thuần Q1/25
12.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.69 80.2%
YoY: ▲ 9.61 302%

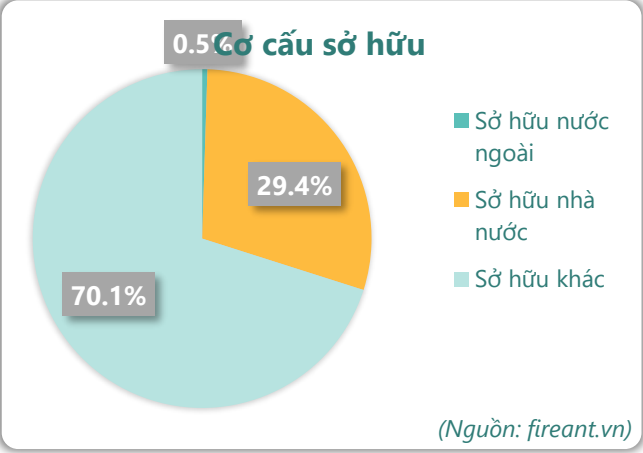
LN thuần Q1/25
0.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.26 324%
YoY: ▲ 0.75 628%

LN sau thuế Q1/25
0.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.03 312%
YoY: ▲ 0.59 535%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
6.8%
YoY: +/-▲ 12.3%

ROE (TTM) Q1/25
9.1%
YoY: +/-▲ 1.6%

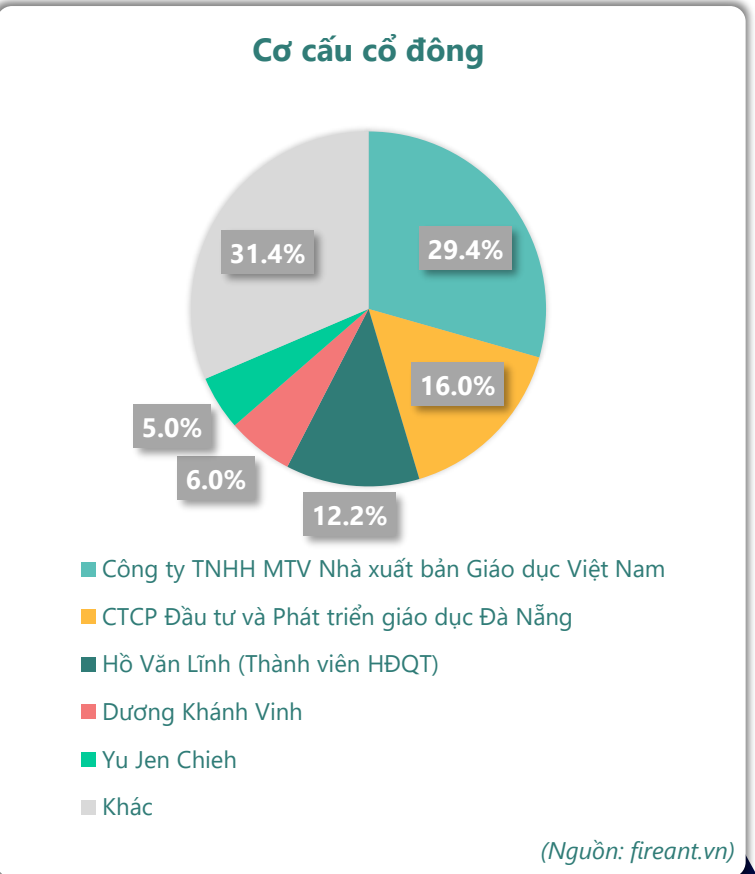
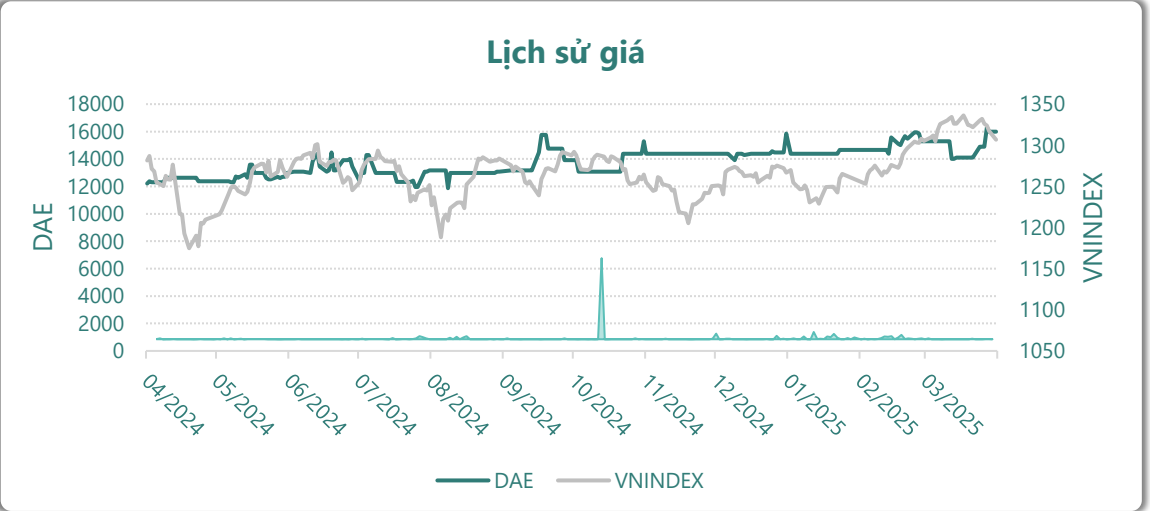
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,869 - 16,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	31
Số lượng CPLH (CP)	1,925,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	140
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	
EPS	1,949
P/E	8.2



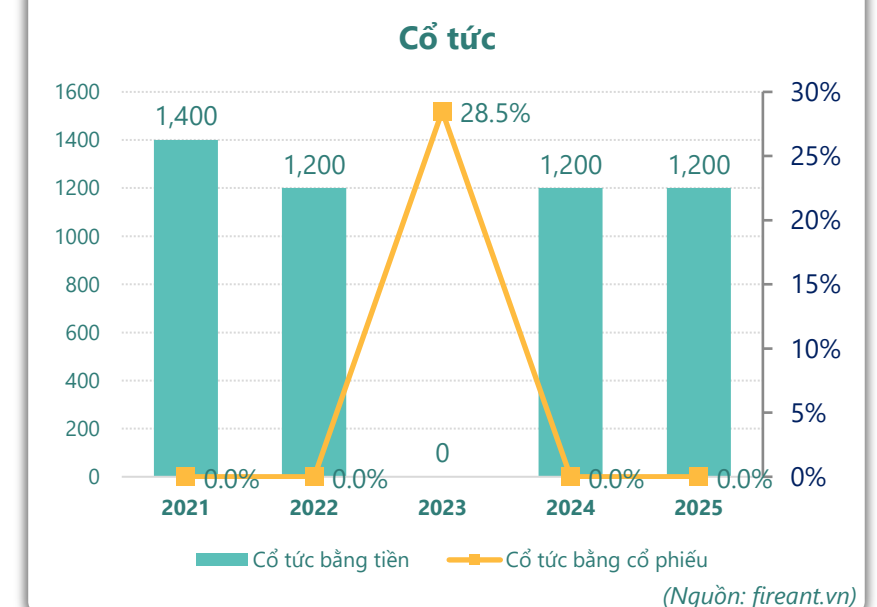
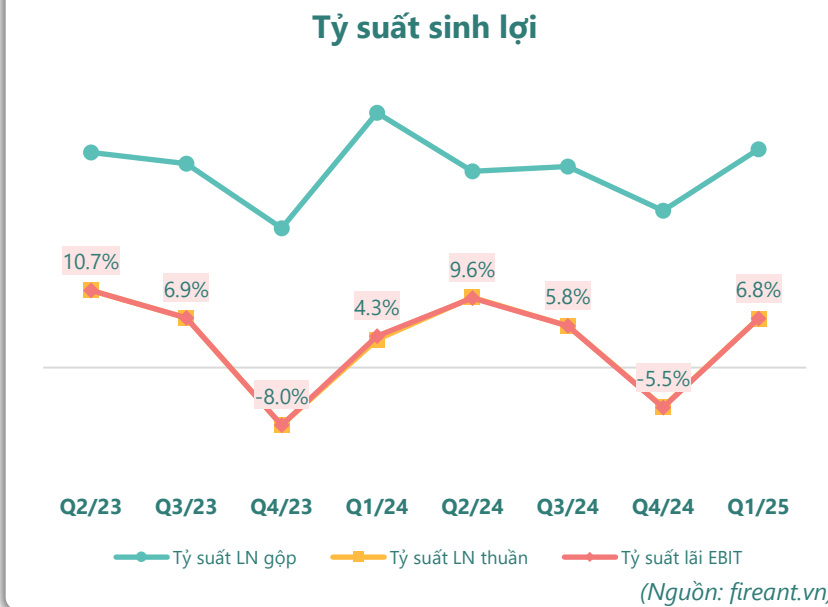
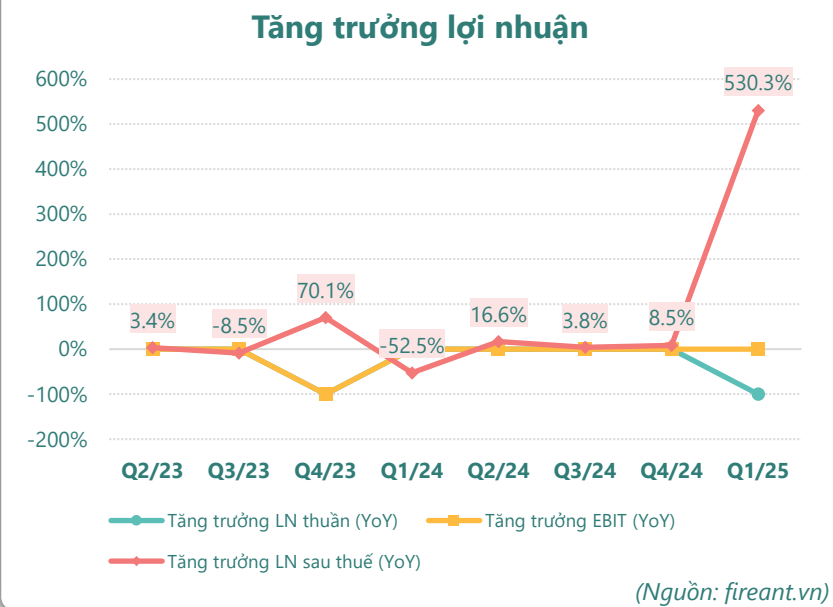
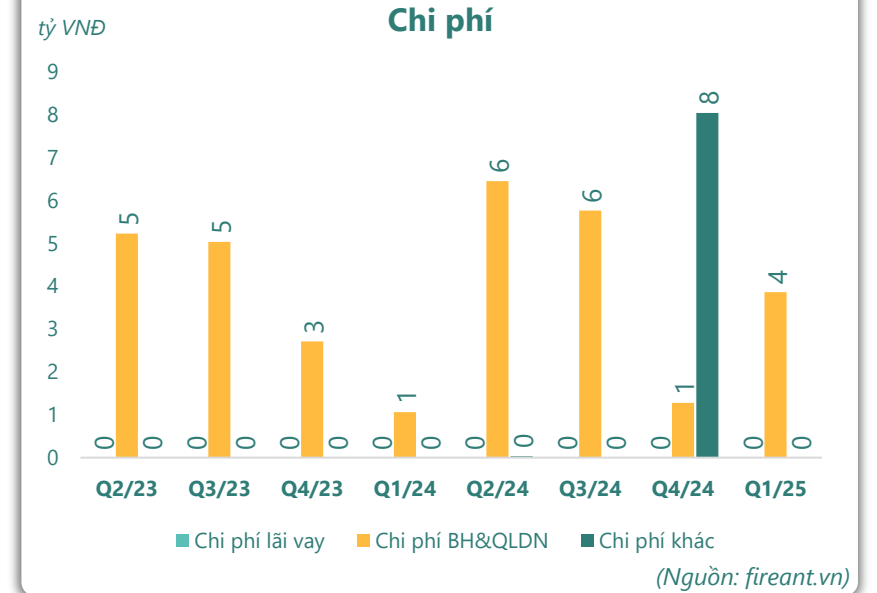
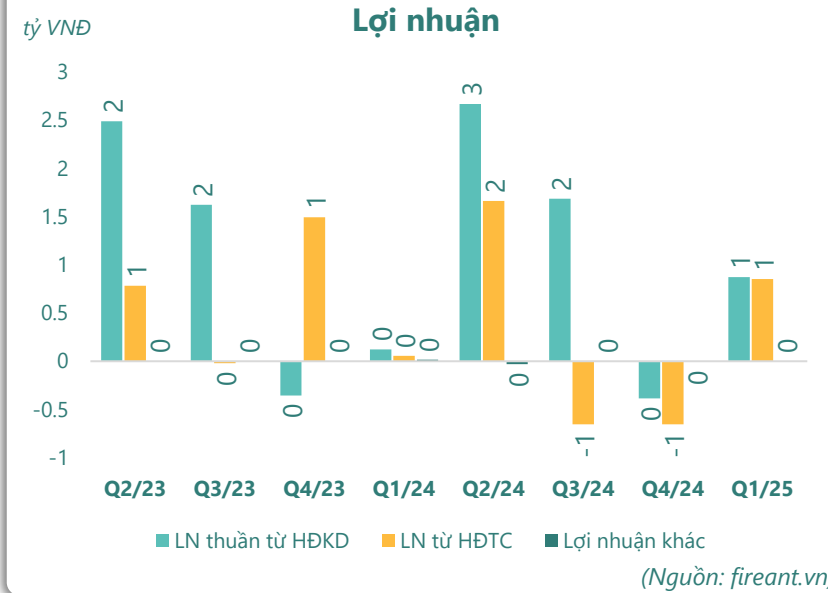
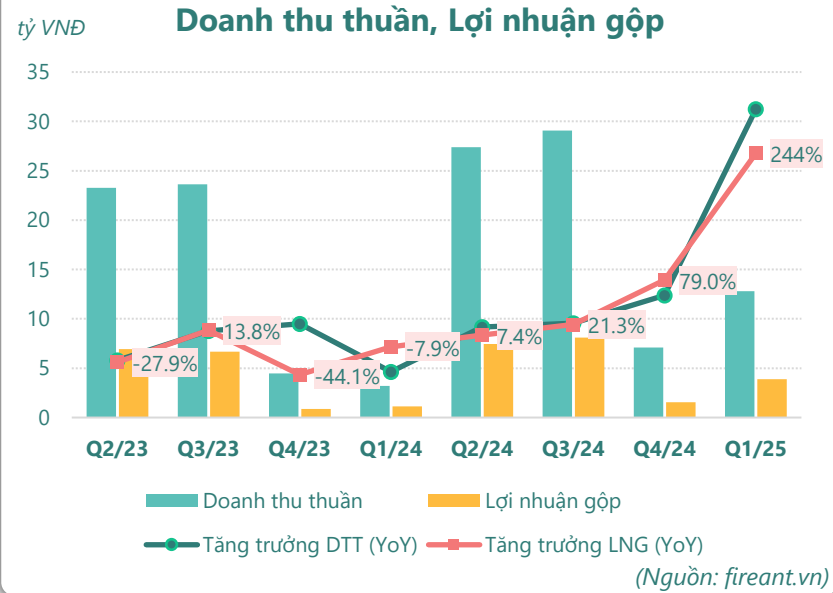
DT thuần 2024
66.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.1 17.8%

LN thuần 2024
4.09
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.07 1.7%

LN sau thuế 2024
3.17
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.02 -0.7%



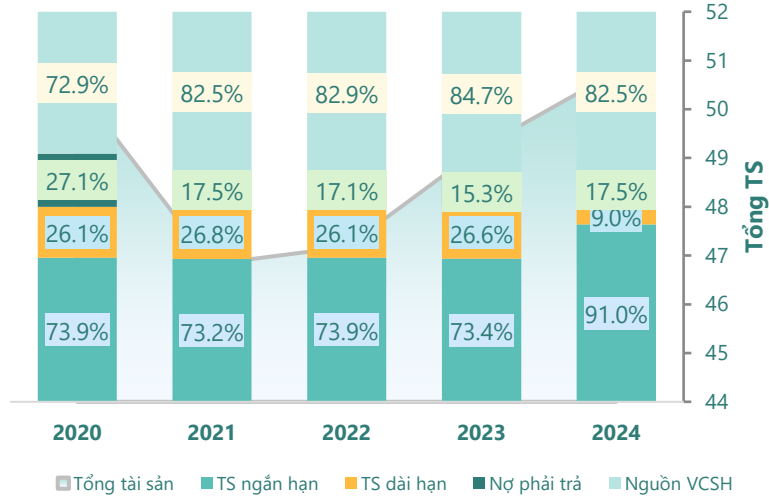
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

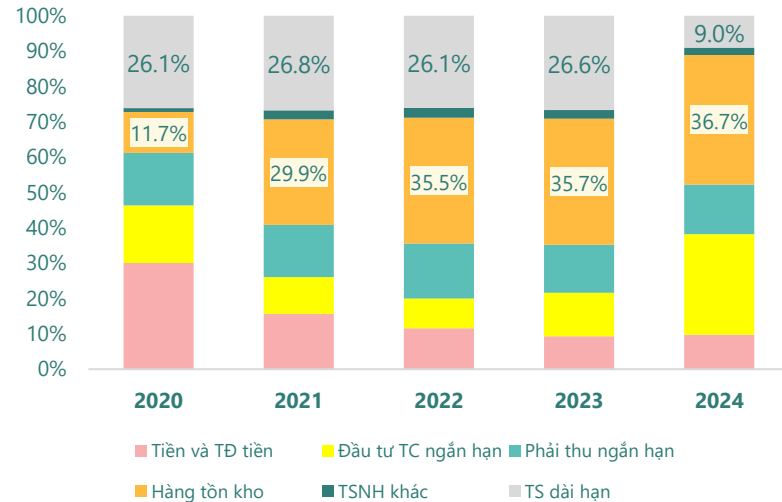
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

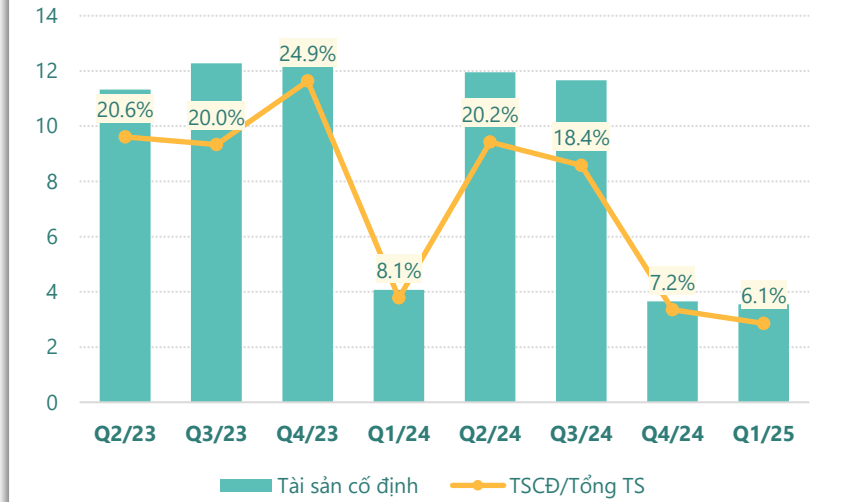
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

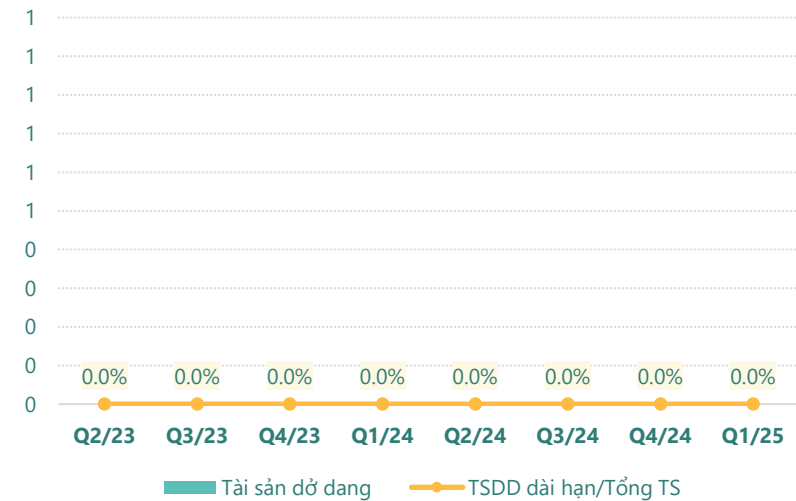
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

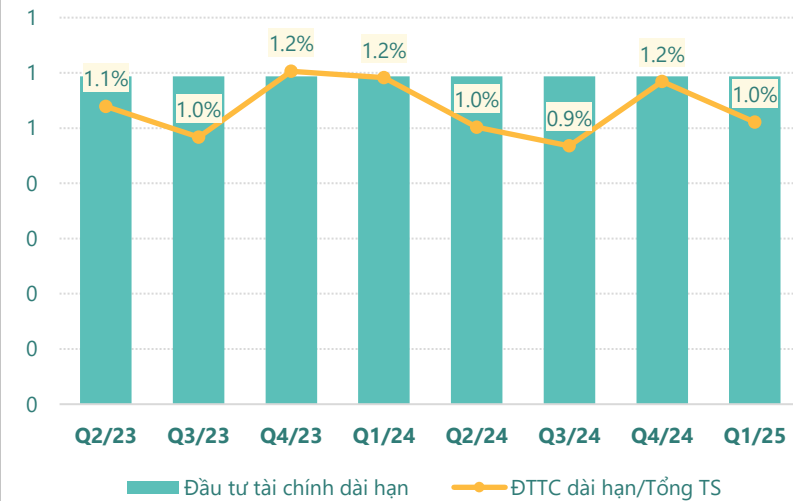
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

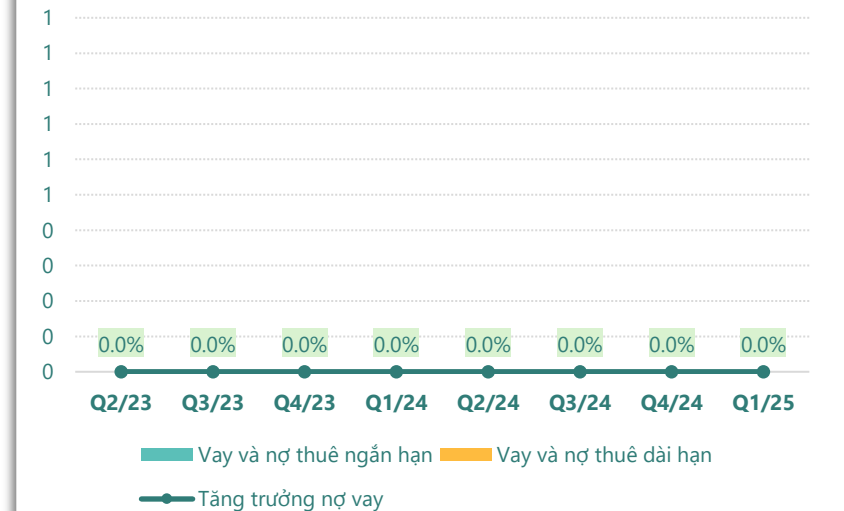
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

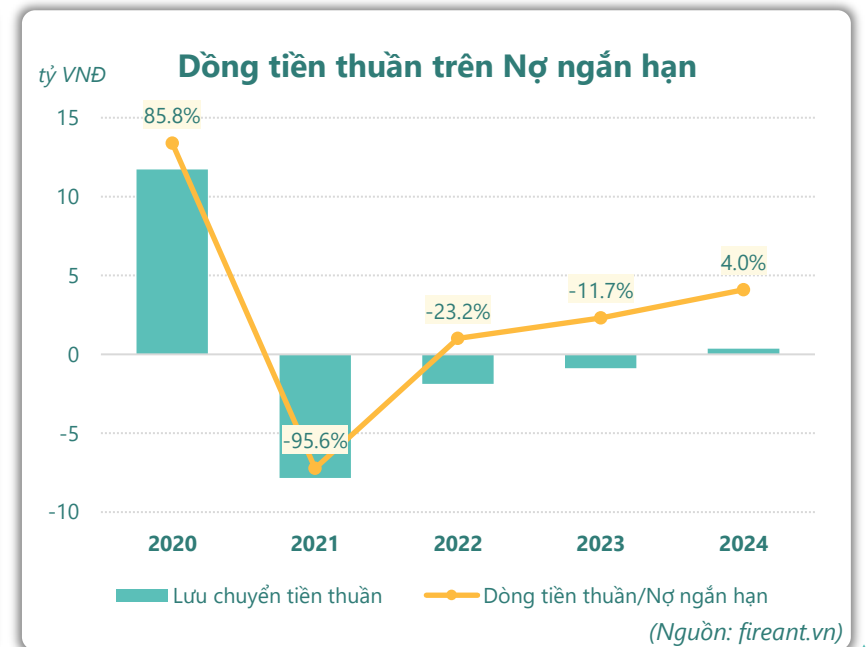
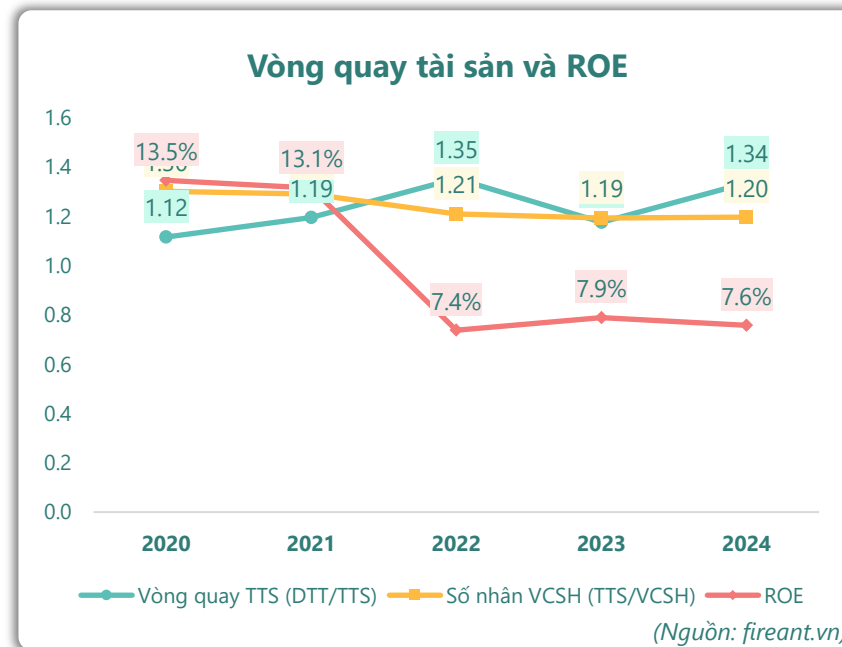
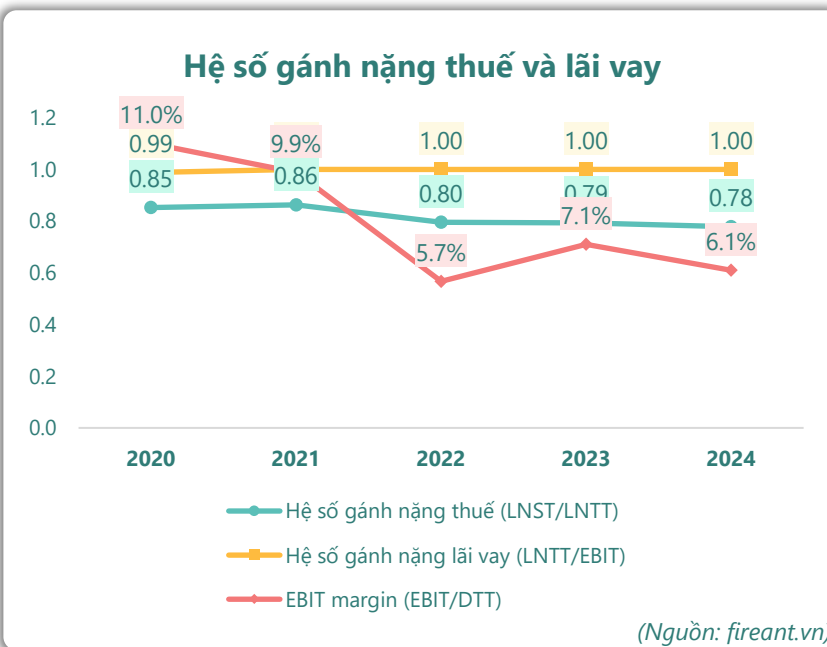
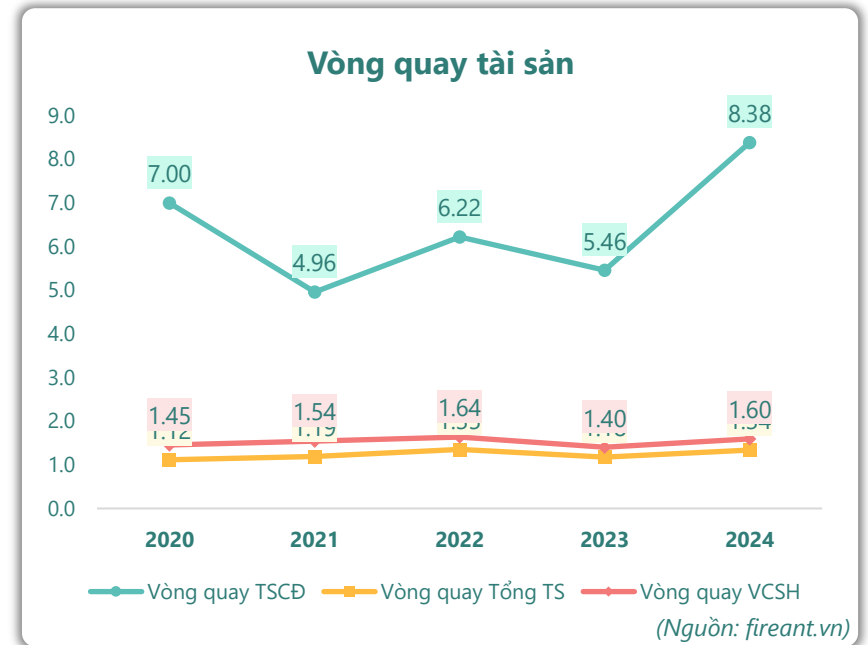
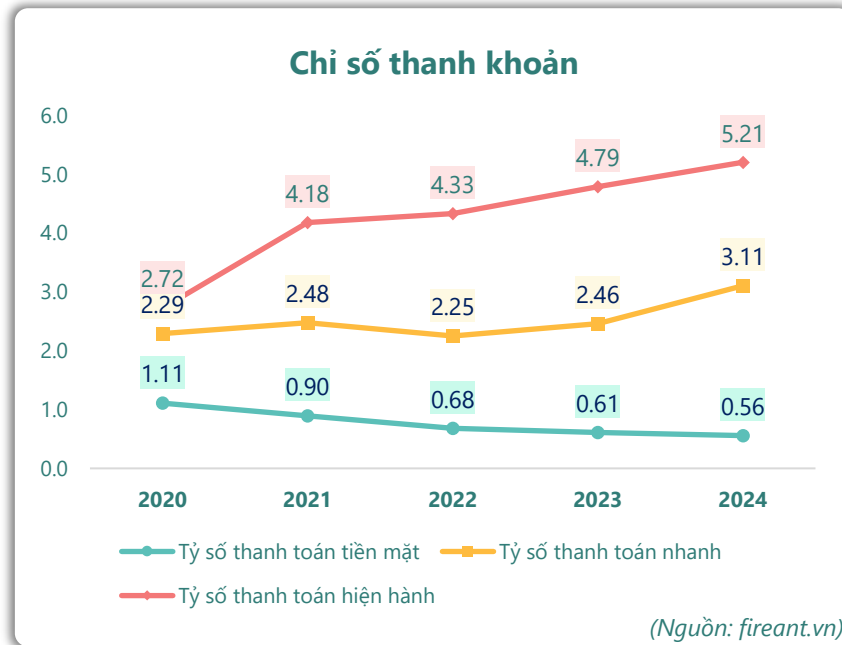
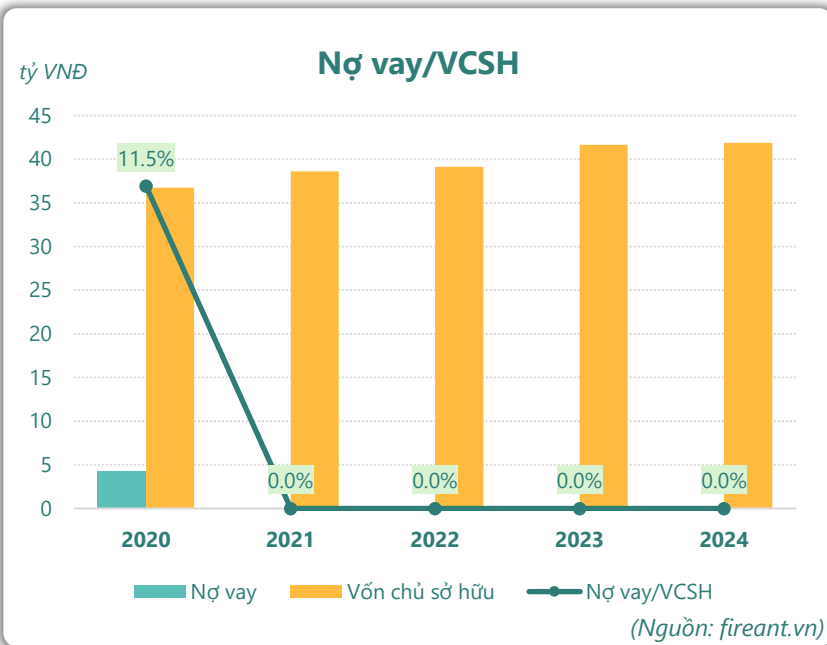
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	12.8	3.19	302%	66.8	56.7	17.8%
Giá vốn hàng bán	8.93	2.06	334%	48.5	41.0	18.4%
Lợi nhuận gộp	3.88	1.13	243%	18.2	15.7	16.1%
Doanh thu HĐTC	0.50	0.06	740%	0.16	0.32	-49.2%
Chi phí TC	-0.35	0.00		-0.25	-1.95	87.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.29	0.30	328%	6.22	5.75	8.1%
Chi phí QLDN	2.57	0.76	239%	8.34	8.20	1.7%
LN thuần từ HĐKD	0.87	0.12	628%	4.09	4.02	1.7%
Lợi nhuận khác	0	0.02	-100%	-0.02	0	
LN trước thuế	0.87	0.14	524%	4.07	4.02	1.1%
Lợi nhuận sau thuế	0.70	0.11	535%	3.17	3.19	-0.7%
LNST của CĐ cty mẹ	0.70	0.11	535%	3.17	3.19	-0.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.54	-3.77	1.62	6.15	-1.45	2.84
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.92	0.04	2.06	-1.98	0.00	1.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	0	-2.31	0	0	-4.50
Tiền đầu kỳ	10.1	4.59	0.86	2.23	6.40	4.95
Lưu chuyển tiền thuần	-5.46	-3.73	1.37	4.17	-1.45	0.30
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.59	0.86	2.23	6.40	4.95	5.25

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	58.1	50.8	14.4%
Tài sản ngắn hạn	53.6	46.2	16.0%
Tiền và tương đương tiền	5.25	4.95	6.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	14.4	-30.5%
Phải thu ngắn hạn	12.7	7.12	79.1%
Hàng tồn kho	24.5	18.6	31.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.06	1.04	1.6%
Tài sản dài hạn	4.50	4.59	-1.8%
Phải thu dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Tài sản cố định	3.56	3.65	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.59	0.59	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.03	0.01	120%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	17.8	8.88	100%
Nợ ngắn hạn	17.8	8.87	101%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.6	6.40	112%
Nợ dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	40.3	41.9	-3.8%
Vốn chủ sở hữu	40.3	41.9	-3.8%
Vốn điều lệ	19.3	19.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

